

PATENT ASSIGNMENT COVER SHEET

Electronic Version v1.1
 Stylesheet Version v1.2

EPAS ID: PAT5384967

SUBMISSION TYPE:	NEW ASSIGNMENT
NATURE OF CONVEYANCE:	CHANGE OF ADDRESS
CONVEYING PARTY DATA	
Name	Execution Date
NIPPON VALQUA INDUSTRIES, LTD.	12/10/2007
RECEIVING PARTY DATA	
Name:	NIPPON VALQUA INDUSTRIES, LTD.
Street Address:	1-1 OSAKI 2-CHOME SHINAGAWA-KU
City:	TOKYO
State/Country:	JAPAN
Postal Code:	141-6024
PROPERTY NUMBERS Total: 3	
Property Type	Number
Application Number:	11407079
Application Number:	10549394
Application Number:	12227979
CORRESPONDENCE DATA	
Fax Number:	(703)739-2815
<i>Correspondence will be sent to the e-mail address first; if that is unsuccessful, it will be sent using a fax number, if provided; if that is unsuccessful, it will be sent via US Mail.</i>	
Email:	iprecordals@cpaglobal.com
Correspondent Name:	CPA GLOBAL LIMITED
Address Line 1:	LIBERATION HOUSE
Address Line 2:	CASTLE STREET
Address Line 4:	ST HELIER, JERSEY JE1 1BL
NAME OF SUBMITTER:	HEIDI WHITTINGHAM
SIGNATURE:	/IPR/PS/NGB VALQUA, LTD.2019-001/CoA3PT/
DATE SIGNED:	02/21/2019
Total Attachments: 14	
source=Change of Name and Address Doc#page1.tif	
source=Change of Name and Address Doc#page2.tif	
source=Change of Name and Address Doc#page3.tif	
source=Change of Name and Address Doc#page4.tif	
source=Change of Name and Address Doc#page5.tif	

source=Change of Name and Address Doc#page6.tif
source=Change of Name and Address Doc#page7.tif
source=Change of Name and Address Doc#page8.tif
source=Change of Name and Address Doc#page9.tif
source=Change of Name and Address Doc#page10.tif
source=Change of Name and Address Doc#page11.tif
source=Change of Name and Address Doc#page12.tif
source=Change of Name and Address Doc#page13.tif
source=Change of Name and Address Doc#page14.tif

The commercial Register
Certificate of Historical Matters
(Partial translation)

1-1, Osaki 2-chome, Shinagawa-ku, Tokyo

VALQUA LTD.

Corporate No.	0107-01-020092	
Corporate Name	<u>NIPPON VALQUA INDUSTRIES, LTD.</u>	
	VALQUA, LTD.	Changed : 01 October 2018
		Registered : 01 October 2018
Head Office	1-1, Osaki 2-chome, Shinagawa-ku, Tokyo	

(Omitted)

Serial No. 7 108803

*Underlined portion indicates a deletion.

1/6

1-1, Osaki 2-chome, Shinagawa-ku, Tokyo

VALQUA LTD.

(Omitted)

Related matter to the Registration	Head Office moved on 10 December 2007 and from 1-1 NISHINJUKU 2-CHOME, SHINJUKU-KU, TOKYO Registered on 13 December 2007
---------------------------------------	--

This is the document certified to be the full disclosure of the items recorded in the Commercial Register without having been closed.

1st February 2019

Tokyo Legal Affairs Bureau Shinagawa Branch

Registrar Yoshiaki MURAKAMI (Seal)

Serial No. 7 108803

*Underlined portion indicates a deletion.

6/6

The commercial Register
Certificate of Historical Matters
(Partial translation)

1-1, Osaki 2-chome, Shinagawa-ku, Tokyo

VALQUA LTD.

Corporate No.	0107-01-020092	
Corporate Name	<u>NIPPON VALQUA INDUSTRIES, LTD.</u>	
	VALQUA, LTD.	Changed : 01 October 2018
		Registered : 01 October 2018
Head Office	1-1, Osaki 2-chome, Shinagawa-ku, Tokyo	

(Omitted)

Serial No. 7 108803

*Underlined portion indicates a deletion.

1/6

1-1, Osaki 2-chome, Shinagawa-ku, Tokyo

VALQUA LTD.

(Omitted)

Related matter to the Registration	Head Office moved on 10 December 2007 and from 1-1 NISHINJUKU 2-CHOME, SHINJUKU-KU, TOKYO Registered on 13 December 2007
------------------------------------	--

This is the document certified to be the full disclosure of the items recorded in the Commercial Register without having been closed.

1st February 2019

Tokyo Legal Affairs Bureau Shinagawa Branch

Registrar Yoshiaki MURAKAMI (Seal)

Serial No. 7 108803

*Underlined portion indicates a deletion.

6/6

履歴事項全部証明書

東京都品川区大崎二丁目1番1号
株式会社バルカー

会社法人等番号	0107-01-020092		
商号	日本バルカー工業株式会社		
	株式会社バルカー		平成30年10月 1日変更
			平成30年10月 1日登記
本店	東京都品川区大崎二丁目1番1号		
公告をする方法	当会社の公告方法は、電子公告とする。 http://www.valqua.co.jp/ir/koukoku.html 但し、電子公告を行うことができない事故その他のやむを得ない事由が生じたときは、日本経済新聞に掲載して公告する。		
会社成立の年月日	昭和7年4月8日		
目的	1. (イ) シール関連品、配管関連品、電気・電子材料、摩擦材料、真空容器および真空用駆動機械装置の設計、製造、加工および販売 (ロ) ゴム、合成樹脂、金属その他の素材を主要材料または補助材料とする物品の製造、加工および販売 (ハ) 公害防止用機器および装置の製造および販売ならびにこれに関連する工業用化学薬品の製造および販売 (ニ) 工業用機械器具、パッキンおよびガスケットの製造整備ならびにその部品の販売 (ホ) 介護用品、介護機器の製造および販売 (ヘ) 不動産の売買、賃貸借および管理 (ト) 発電事業および電気の供給 2. 上記に附帯する業務 3. 経営上必要と認める事業への投資 平成25年 6月19日変更 平成25年 7月 1日登記		
	1. (イ) シール関連品、配管関連品、電気・電子材料、摩擦材料、真空容器および真空用駆動機械装置の設計、製造、加工および販売 (ロ) ゴム、合成樹脂、金属その他の素材を主要材料または補助材料とする物品の製造、加工および販売 (ハ) 公害防止用機器および装置の製造および販売ならびにこれに関連する工業用化学薬品の製造および販売 (ニ) 工業用機械器具、パッキンおよびガスケットの製造整備ならびにその部品の販売 (ホ) 介護用品、介護機器の製造および販売 (ヘ) 不動産の売買、賃貸借および管理 (ト) 発電事業および電気の供給		

	(チ) 建設工事の請負ならびに建設工事に関する企画、設計、監理、マネジメントおよびコンサルティング 2. 上記に附帯する業務 3. 経営上必要と認める事業への投資 平成30年 6月20日変更 平成30年 7月 3日登記	
単元株式数	1000株	
	100株	平成28年10月 1日変更
		平成28年10月 6日登記
発行可能株式総数	3億4000万株	
	6800万株	平成28年10月 1日変更
		平成28年10月 6日登記
発行済株式の総数 並びに種類及び数	発行済株式の総数 9344万3668株	平成20年 6月30日変更
		平成20年 8月21日登記
	発行済株式の総数 1868万8733株	平成28年10月 1日変更
		平成28年10月 6日登記
資本金の額	金139億5765万3924円	平成20年 6月30日変更
		平成20年 8月21日登記
株主名簿管理人の 氏名又は名称及び 住所並びに営業所	東京都千代田区丸の内一丁目4番1号 三井住友信託銀行株式会社 東京都千代田区丸の内一丁目4番1号 三井住友信託銀行株式会社 証券代行部 平成24年 4月 1日変更 平成24年 4月 2日登記	
役員に関する事項	取締役 瀧澤利一	平成27年 6月17日重任
		平成27年 6月22日登記
	取締役 瀧澤利一	平成29年 6月21日重任
		平成29年 6月29日登記

取締役	黒川 清 敬	平成27年 6月17日重任
		平成27年 6月22日登記
取締役	黒川 清 敬	平成29年 6月21日重任
		平成29年 6月29日登記
取締役	加藤 慶 治	平成27年 6月17日重任
		平成27年 6月22日登記
		平成29年 6月21日退任
		平成29年 6月29日登記
取締役	清川 佑 二	平成27年 6月17日重任
		平成27年 6月22日登記
		平成29年 6月21日退任
		平成29年 6月29日登記
取締役	関 忠 行	平成28年 6月21日就任
		平成28年 6月28日登記
取締役	関 忠 行	平成29年 6月21日重任
		平成29年 6月29日登記
取締役	山 根 啓	平成29年 6月21日就任
		平成29年 6月29日登記
		平成30年 7月20日辞任
		平成30年 8月 2日登記
取締役	三 木 緑	平成29年 6月21日就任
		平成29年 6月29日登記
取締役	関 根 近 子	平成30年 6月20日就任
		平成30年 7月 3日登記

東京都品川区大崎二丁目1番1号
株式会社バルカー

	東京都世田谷区駒沢三丁目22番24号 代表取締役 瀧澤 利一	平成27年 6月17日重任
		平成27年 6月22日登記
	東京都世田谷区駒沢三丁目22番24号 代表取締役 瀧澤 利一	平成29年 6月21日重任
		平成29年 6月29日登記
	監査役 栗 満 靖	平成24年 6月19日重任
		平成24年 7月 2日登記
		平成28年 6月21日退任
		平成28年 6月28日登記
	監査役 中 根 堅 次 郎 (社外監査役) 監査役 中 根 堅 次 郎 (社外監査役)	平成24年 6月19日重任
		平成24年 7月 2日登記
		平成28年 6月21日重任
		平成28年 6月28日登記
	監査役 林 遙 監査役 林 遙	平成24年 6月19日就任
		平成24年 7月 2日登記
		平成28年 6月21日重任
		平成28年 6月28日登記
	監査役 中 神 啓 四 郎 (社外監査役)	平成24年 6月19日就任
		平成24年 7月 2日登記
		平成28年 6月21日退任
		平成28年 6月28日登記
	監査役 八 戸 孝 彦 (社外監査役)	平成28年 6月21日就任
		平成28年 6月28日登記
	監査役 高 橋 秀 法 (社外監査役)	平成30年 6月20日就任
		平成30年 7月 3日登記

	会計監査人	新日本有限責任監査法人	平成27年 6月17日重任
			平成27年 6月22日登記
	会計監査人	新日本有限責任監査法人	平成28年 6月21日重任
			平成28年 6月28日登記
	会計監査人	新日本有限責任監査法人	平成29年 6月21日重任
			平成29年 6月29日登記
	会計監査人	新日本有限責任監査法人	平成30年 6月20日重任
			平成30年 7月 3日登記
	会計監査人	EY新日本有限責任監査法人	平成30年 7月 1日新日本有限責任監査法人の名称変更
			平成30年 7月 3日登記
取締役等の会社に対する責任の免除に関する規定	当会社は、取締役会の決議をもって、取締役（取締役であった者を含む。）および監査役（監査役であった者を含む。）の当会社に対する損害賠償責任を、法令が定める範囲で免除することができる。		
非業務執行取締役等の会社に対する責任の制限に関する規定	当会社は、社外取締役および社外監査役との間に、当会社に対する損害賠償責任に関する契約を締結することができる。ただし、その賠償責任の限度額は、あらかじめ定められた金額または法令が定める金額のいずれか高い額とする。		
取締役会設置会社に関する事項	取締役会設置会社		
監査役設置会社に関する事項	監査役設置会社		
監査役会設置会社に関する事項	監査役会設置会社		
会計監査人設置会社に関する事項	会計監査人設置会社		
登記記録に関する事項	平成19年12月10日東京都新宿区西新宿二丁目1番1号から本店移転 平成19年12月13日登記		

東京都品川区大崎二丁目1番1号
株式会社バルカー

これは登記簿に登録されている開鎖されていない事項の全部であることを証明
した書面である。

平成31年 2月 1日
東京法務局品川出張所
登記官

村 上 義 明



整理番号 ア108803

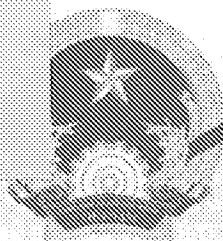
* 下線のあるものは抹消事項であることを示す。

6/6

PATENT

REEL: 048390 FRAME: 0361

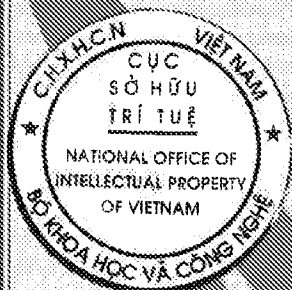
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ



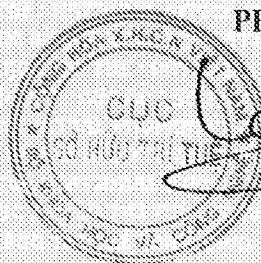
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẰNG ĐỘC QUYỀN KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP Số: 26007

Tên kiểu dáng: DỤNG CỤ PHẾT KEO
Chủ Bằng độc quyền: NIPPON VALQUA INDUSTRIES, LTD. (JP)
1-1, Osaki 2-chome, Shinagawa-ku, Tokyo 141-6024 Japan
Tác giả: Shuji SUGAWA (JP), Yoshiko AKAMATSU (JP), Masato HAMADE (JP)
Số đơn: 3-2016-00369
Ngày nộp đơn: 03/03/2016
Số phương án/bộ sản phẩm: 01 Số ảnh chụp, bản vẽ: 10
Cấp theo Quyết định số: 17341/QĐ-SHTT, ngày: 16/03/2018
Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 5 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn).



V 26007

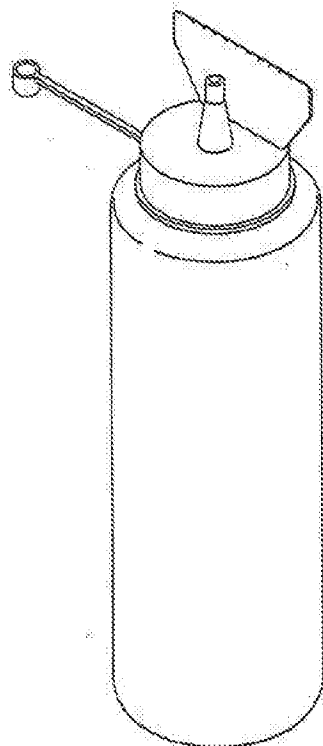


KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

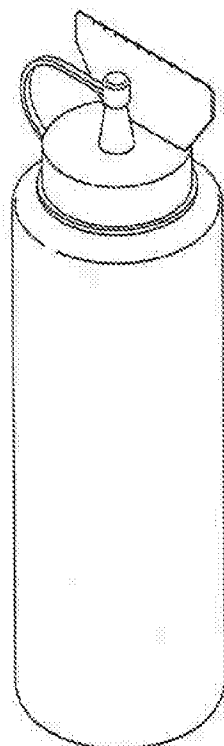
Lê Ngọc Lâm

PATENT

REEL: 048390 FRAME: 0362

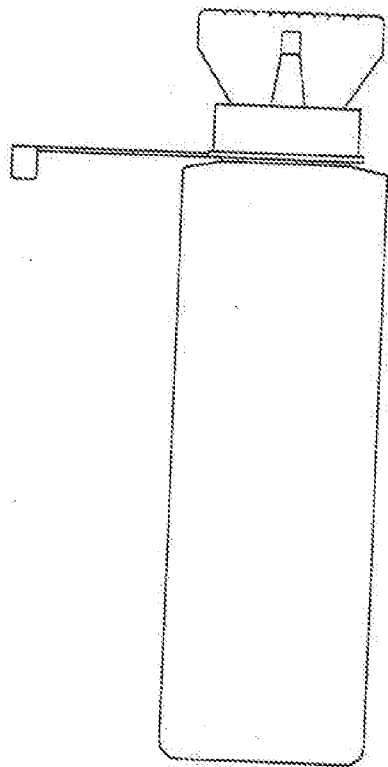


HÌNH 1

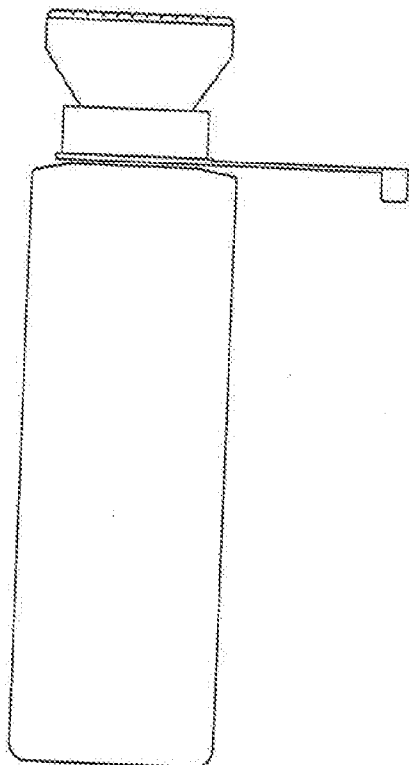


HÌNH 2

BẰNG ĐỘC QUYỀN KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP SỐ: 26007
Ảnh chụp/bản vẽ kiểu dáng công nghiệp

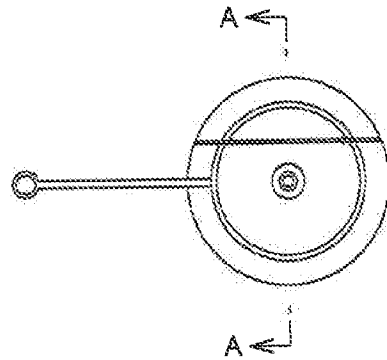


HÌNH 3

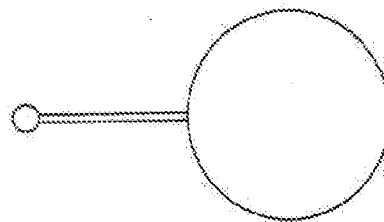


HÌNH 4

BẰNG ĐỘC QUYỀN KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP SỐ: 26007
Ảnh chụp/bản vẽ kiểu dáng công nghiệp

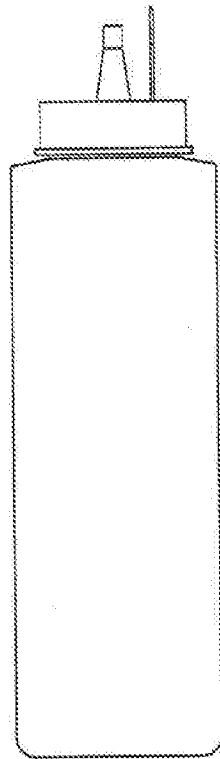


HÌNH 5

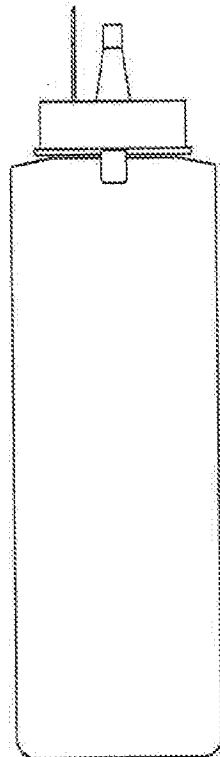


HÌNH 6

BẢNG ĐỘC QUYỀN KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP SỐ: 26007
Ảnh chụp/bản vẽ kiểu dáng công nghiệp

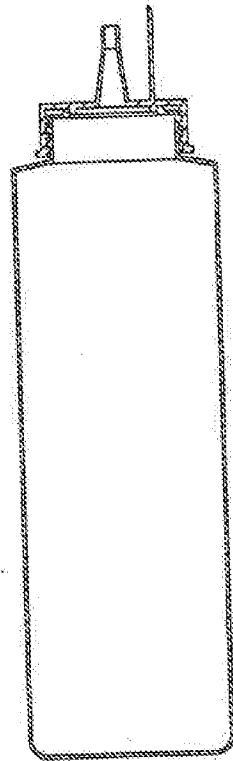


HÌNH 7

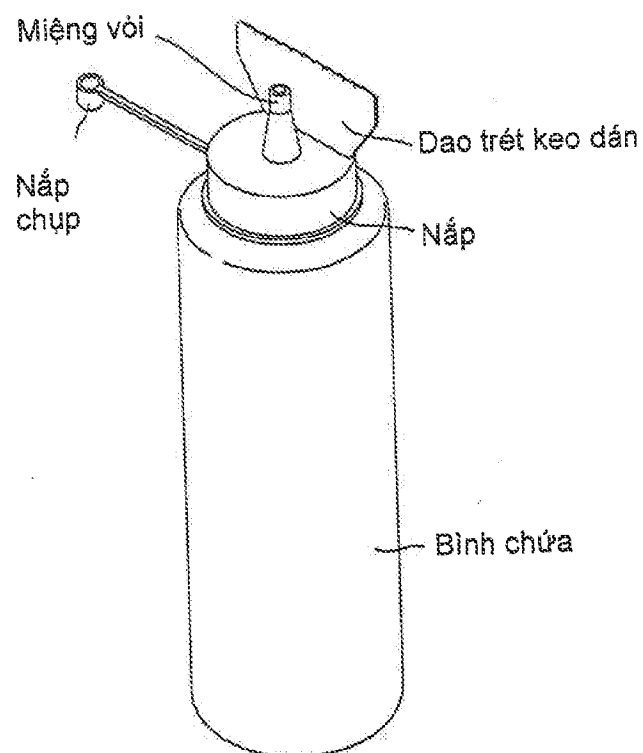


HÌNH 8

BẰNG ĐỘC QUYỀN KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP SỐ: 26007
Ảnh chụp/bản vẽ kiểu dáng công nghiệp



HÌNH 9



HÌNH 10